

CÁC PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ TÌNH THÁI CHỨC PHẬN BIỂU ĐẠT NGHĨA CẦU KHIẾN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

DEONTIC LINGUISTIC MEANS EXPRESS DIRECTIVE MEANINGS
IN ENGLISH AND VIETNAMESE

BÙI THỊ ĐÀO

(TS; Trường Đại học Quy Nhơn)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGỌC

(ThS; Trường Đại học Quy Nhơn)

Abstract: In this paper, the researcher has attempted to carry out a contrastive analysis of DM expressing directives in terms of syntactic and semantic features in English and Vietnamese. The main findings of paper show that while categories of DM expressing directives are universal across languages, linguistic means available to speakers of different languages may differ, for example, Vietnamese has an intricate system of sentence or utterance particles which have no equivalences in English. Furthermore, English and Vietnamese also differ in the frequencies of usage of such linguistic means in expressing directive meanings.

Key words: deontic modality (DM); directives; directive meanings.

1. Khái niệm

Tình thái (TT) là một thành tố quan trọng trong ngôn ngữ đã được nghiên cứu từ các bình diện khác nhau như: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Việc nghiên cứu cách diễn đạt ý nghĩa TT trong ngôn ngữ là một trong những vấn đề phức tạp. Theo Palmer (2003), "TT được thực hiện không chỉ qua phương tiện trợ từ, từ vựng mà còn bởi danh từ, tính từ, trạng từ, thành ngữ, tiểu từ, thán từ và ngữ điệu". Ba loại TT phân biệt trong hệ thống TT tiếng Anh, đó là: TT *nhận thức*, TT *chức phận* và TT *trạng huống*. Nghiên cứu này tập trung vào một loại TT *chức phận*. Theo Van der Auwera và Plungian (1998), "TT chức phận là một thuật ngữ bao quát để biểu thị các khái niệm về ngữ nghĩa như khả năng, sự cần thiết, giả thuyết, sự bắt buộc và mệnh lệnh". Theo Nguyễn Văn Hiệp (2008), "Trong tiếng Việt, TT chức phận hay TT đạo nghĩa cũng biểu thị sự bắt buộc, nhiệm vụ, sự cần thiết". Đây cũng là định nghĩa sử dụng cho cho đề tài nghiên cứu này.

Bài viết nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt của các phương tiện TT *chức phận* biểu đạt sự cầu khiến bằng tiếng Anh và so sánh với tiếng Việt, thông qua các câu hỏi nghiên cứu cần làm rõ: 1) Các phương tiện ngôn ngữ TT *chức phận* biểu đạt sự cầu khiến tiếng Anh và tiếng Việt; 2) Sự giống và khác nhau của các phương tiện ngôn ngữ TT *chức phận* biểu đạt sự cầu khiến về cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và tần suất xuất hiện trong tiếng Anh và tiếng Việt.

Để so sánh và đối chiếu các phương tiện ngôn ngữ TT *chức phận* biểu đạt sự cầu khiến (directives) trong tiếng Anh và tiếng Việt, bài viết sử dụng 13 phương tiện ngôn ngữ được xem như là khung lý thuyết và phân loại chính để so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt (dựa trên các nghiên cứu và phân loại của Palmer (1994), Van der Auwera và Plungian (1998), Li (2004), Nguyễn Văn Hiệp (2003), Bùi Trọng Ngoãn (2004).

Tuy nhiên, do hạn chế về phương pháp thu thập dữ liệu từ truyện nên ngữ điệu nằm ngoài phạm vi nghiên cứu. Mặt khác, ngôn ngữ Việt

- là ngôn ngữ đơn lập nên thức và thể (mood) không dùng trong tiếng Việt. Chính vì điều này tác giả chỉ so sánh đối chiếu sự giống và khác nhau của 11 phương tiện diễn đạt TT chức phận trong tiếng Anh và tiếng Việt: ví từ TT, động từ thái độ mệnh đề, các vị từ ngôn hành, trợ từ, trạng từ TT, vị từ đánh giá, danh từ TT, tiểu từ, các quán ngữ TT, các từ ngữ chêm xen, và ngữ điều kiện giả định.

2. Quá trình thu thập số liệu

Các số liệu sử dụng cho bài viết này bao gồm 50 truyện Anh, tổng cộng 2 060 389 từ và 50 truyện Việt, tổng cộng 2 003 486 từ. Nguồn dữ liệu lấy từ nhiều nguồn truyện khác nhau trên internet, có năm xuất bản, tiêu đề và lời truyện cụ thể.

Như đã đề cập chi tiết, 11 phương tiện TT chức phận theo khung lí thuyết, liệt kê tất cả các từ thuộc phương tiện thứ nhất (trợ từ), chẳng hạn như, *can, could, may, might, ...*, rồi đến các từ thuộc phương tiện thứ hai (động từ thái độ mệnh đề) chẳng hạn như *think, know...* Sau đó, sử dụng phần mềm xử lí số liệu có tên gọi TextSAT, nhập toàn bộ 50 câu truyện Anh vào phần mềm này, công cụ xử lí số liệu (corpus) này sẽ đếm bao nhiêu từ *can* xuất hiện trên màn hình. Tiếng Việt cũng đưa các trợ từ như *có thể, có lẽ, ...* vào phần mềm xử lí số liệu TextSAT. Sau khi khai thác số liệu, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả các phương tiện diễn đạt TT chức phận đã được liệt kê trong corpus theo nghĩa cầu khiến. Sau đó, kết hợp cả hai phương pháp phân tích định tính và định lượng so sánh xem các phương tiện này trong tiếng Anh và tiếng Việt có gì giống và khác nhau về cấu trúc và ngữ nghĩa, thống kê và tính phần trăm để so sánh tần suất xuất hiện của các phương tiện biểu đạt nghĩa chức phận trong hai ngữ khối tương quan.

3. Kết quả

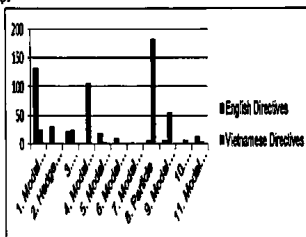
Trong 421 câu tường thuật và nghi vấn trong 50 câu chuyện Anh, có 282 câu tường thuật và 32 câu nghi vấn diễn đạt tình thái cầu khiến, trong đó trợ động từ là phương tiện sử dụng nhiều nhất chiếm đại đa số so với các

phương tiện còn lại (171 trường hợp chiếm 57,6%). Động từ chỉ thái độ mệnh đề xếp vị trí thứ hai, chiếm 44 trường hợp với 14,01%. Vị từ ngôn hành và trạng từ xếp vị trí thứ ba và thứ tư, chiếm 28 và 22 trường hợp (8,92% và 7,01%). Ngữ điều kiện giả định và tính từ ít sử dụng thông thường, chỉ chiếm 4,46% và 4,78%. Quán ngữ tình thái và danh từ hầu như không được sử dụng để diễn tả tình thái cầu khiến, chiếm tỉ lệ thấp nhất trong tất cả các phương tiện.

Trong tiếng Việt, trong số 367 câu tường thuật và 38 câu nghi vấn trong 422 câu trong 50 chuyện Việt diễn đạt tình thái cầu khiến, tiểu từ tình thái chiếm tỉ lệ cao nhất, 182 trường hợp chiếm 44,9% trong tất cả các phương tiện. Trợ từ chiếm vị trí cao nhất 106 trường hợp, tương ứng 26,17%. Quán ngữ tình thái xếp thứ ba (55 trường hợp với 13,58%). Động từ chỉ thái độ mệnh đề và tính từ tình thái hầu như không dùng để diễn đạt tình thái cầu khiến trong tiếng Việt.

Có thể thấy rằng, người Anh có xu hướng dùng trợ động từ với tỉ lệ cao (171 trường hợp, 57,6%) trong khi người Việt chỉ sử dụng 25 trường hợp tương ứng 6,17%. Động từ chỉ thái độ mệnh đề, vị từ ngôn hành, trạng từ, ngữ điều kiện giả định, tính từ được sử dụng phổ biến trong tiếng Anh. Ngược lại, tiểu từ tình thái, trợ từ và quán ngữ tình thái với tần số cao nhất so với tất cả các phương tiện còn lại ở tiếng Việt. Một sự khác biệt rõ giữa hai ngôn ngữ đó là người Anh không dùng trợ từ và các từ ngữ chêm xen để diễn đạt tình thái cầu khiến, trong khi người Việt lại không dùng động từ chỉ thái độ mệnh đề và tính từ tình thái. Đây là một sự khác biệt đáng kể giữa hai ngôn ngữ. Sự giống nhau được tìm thấy giữa hai ngôn ngữ đó là cả hai ngôn ngữ đều ít sử dụng danh từ tình thái để diễn đạt tình thái cầu khiến, chỉ có 2 trường hợp trong tiếng Anh và 1 trường hợp trong tiếng Việt (0,64% và 0,25%). Điều này được minh họa qua biểu đồ sau:

Biểu đồ so sánh các phương tiện diễn đạt tình thái cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt



4. Nhận xét

Qua việc so sánh đối chiếu về mặt cú pháp và ngữ nghĩa các phương tiện diễn đạt tình thái cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt, tác giả thấy rằng:

Về mặt cú pháp, cả tiếng Anh và tiếng Việt đều giống nhau về vị trí của động từ tình thái trong câu tường thuật ví dụ từ "shall go" và "sẽ đi". Tuy nhiên, có sự khác nhau cơ bản về biến thể của từ (*thức, thể, thì*) trong hai ngôn ngữ. Động từ trong tiếng Việt không biến đổi theo ngôi và giống, số, cách như trong tiếng Anh. Một sự khác biệt rõ trong hai ngôn ngữ đó là cách dùng quán ngữ tình thái trong tiếng Việt rất đa dạng, chúng có thể đặt giữa câu, đứng đầu câu hay cuối câu, trong khi tiếng Anh quán ngữ tình thái chỉ đặt giữa chủ ngữ và động từ. Sự khác biệt này không phải là khác biệt về mặt cú pháp đơn thuần mà là sự khác biệt về bản chất nguồn gốc của hai ngôn ngữ.

Về mặt ngữ nghĩa, người Anh dùng rất đơn giản các động từ tình thái, động từ chỉ thái độ mệnh đề, tính từ, và ngữ điều kiện giả định để diễn đạt tình thái cầu khiến, trong khi tiếng Việt thì dùng rất đa dạng các tiểu từ tình thái, trợ từ và quán ngữ tình thái để diễn tả thái độ của họ. Điều này chứng tỏ rằng người Anh thiên về sử dụng cấu trúc trong giao tiếp, người Việt thiên về sử dụng từ vựng. Ngôn từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú thể hiện qua tiểu từ cuối câu, các tiểu từ này giúp nhận ra thái độ người nói trong giao tiếp. Cách dùng

tiểu từ cuối câu và trợ từ trong câu tường thuật và câu nghi vấn trong tiếng Việt giống cách dùng trợ động từ trong câu tường thuật và câu nghi vấn trong tiếng Anh. Các phương tiện này giúp người nghe nhận diện được nghĩa tình thái cầu khiến trong lúc nói, chúng cũng là các phương tiện giúp nhận biết nghĩa của tình thái chức phận qua ngữ cảnh giao tiếp. Chính vì vậy, không có sự tương đồng trong các dùng tiểu từ tình thái, trợ từ, từ ngữ chiếm xen và quán ngữ tình thái trong tiếng Anh so sánh với tiếng Việt.

Sự giống và khác nhau này giúp người học có tầm nhìn sâu hơn về cấu trúc và ngữ nghĩa các phương tiện TT chức phận biểu đạt nghĩa cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt, cũng như sự tương đồng và không tương đồng trong cách dùng từ giữa hai ngôn ngữ, và cũng giúp người học khắc phục lỗi sai trong dạy và học tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Đào (2014), *A study on deontic modality in English and Vietnamese declarative and interrogative sentences*. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Bùi Trọng Ngoãn (2004), *Khảo sát các động từ tình thái tiếng Việt*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn.
3. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. Nxb Giáo dục, H.
4. Li, R (2004), *Modality in English and Chinese: A Typological Perspective*.
5. Palmer. F.R (2003), *Modality in contemporary English*. Mouton de Gruyter Berlin. New York.
6. Palmer. F.R (1994), *Mood and modality*. In R. E. Asher (Ed.), *The encyclopedia of language and linguistics*. Oxford: Pergamon Press.
7. Palmer, F.R (1986), *Mood and modality*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Van der Auwera và Plungian (1998), *Modality's semantic map. Linguistic typology*. Volume 2. Cambridge University Press.